TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 17-02-2020
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Phi Phi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2019/TLST-DS, ngày 18-7-2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2020/QĐXXST-DS ngày 03-01-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: Số B, LD, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện hợp pháp: Ông Phạm QT, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: số D, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 03/2020/GUQ-CNQN ngày 10-02-2020), vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Bạch HT; địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bạch VT, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bạch VT (vắng mặt);

- Bà Phạm TH (vắng mặt);

- Cháu Bạch CT (vắng mặt);

- Cháu Bạch TT;

Người đại diện hợp pháp của cháu Triều: Ông Bạch VT, bà Trần CH; đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 10-6-2019, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 02-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho bà Bạch HT vay theo Hợp đồng tín dụng số 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016, số tiền 499.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi chín triệu đồng), mục đích vay bù đắp mua bất động sản; thời hạn vay 180 tháng; phương thức vay trả góp; lãi suất cho vay là 9% và thay đổi, điều chỉnh lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và chính sách lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A từng thời kỳ; nợ gốc và lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, lãi trả theo dư nợ thực tế.

Tài sản dùng để bảo đảm cho khoản vay nêu trên là thửa đất số 3139, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0217/2016/BĐ ngày 24-6-2016).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà HT nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn; mặc dù ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà HT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu bà Bạch HT trả số tiền là 540.976.893 đồng, trong đó nợ gốc là 435.290.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17-02-2020 là 105.686.893 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả (theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016) kể từ ngày 18-02-2020 đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bà HT không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0217/2016/BĐ ngày

24-6-2016 để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ thì bà HT tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả nợ xong.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Bạch VT (ông VT đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Bạch TT) trình bày:*

Về số tiền vay theo các hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và số tiền nợ hiện nay đúng như đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày; trong quá trình vay vốn, do làm ăn khó khăn nên bà Bạch HT chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Bà Bạch HT đồng ý trả nợ và đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm TH, cháu Bạch CT đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa;*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà HT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 540.976.893 đồng, trong đó nợ gốc là 435.290.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17-02-2020 là 105.686.893 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả (theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016) kể từ ngày 18-02-2020 đến khi trả nợ xong. Trường hợp bà HT không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0217/2016/BĐ ngày 24-6-2016 để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ thì bà HT tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả nợ xong. Bà HT phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đại diện của nguyên đơn ông Phạm QT vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Bạch HT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch VT, bà Phạm TH, các cháu Bạch CT, Bạch TT vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Ngày 29/10/2019, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên bà Phạm TH, cháu Bạch CT vắng mặt và việc ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của họ nhưng không có ý kiến đồng ý bằng văn bản gởi đến Tòa án. Căn cứ Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông VT là đại diện hợp pháp của bà HT thừa nhận số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và số tiền nợ hiện nay đúng như đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày; trong quá trình vay vốn, do làm ăn khó khăn nên bà HT vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết không cần phải chứng minh.

[2.2] Theo Hợp đồng tín dụng số 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho bà Bạch HT vay theo Hợp đồng tín dụng số 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016, số tiền 499.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi chín triệu đồng), mục đích vay bù đắp mua bất động sản; thời hạn vay 180 tháng; phương thức vay trả góp; lãi suất cho vay là 9% và thay đổi, điều chỉnh lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và chính sách lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A từng thời kỳ; nợ gốc và lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, lãi trả theo dư nợ thực tế.

[2.3] Tài sản dùng để bảo đảm cho khoản vay nêu trên là thửa đất số 3139, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0217/2016/BĐ ngày 24-6-2016. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cung cấp cho Tòa án và lời trình bày của ông VT thừa nhận, trong quá trình vay vốn bà HT nhiều lần không trả hoặc trả không đầy đủ

nợ gốc và lãi nên toàn bộ nợ vay của bà HT đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, có căn cứ xác định bà HT vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[2.5] Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà HT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 540.976.893 đồng, trong đó nợ gốc là 435.290.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17-02-2020 là 105.686.893 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả (theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016) kể từ ngày 18-02-2020 đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà HT không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 3139, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất (theo Hợp đồng thế chấp số 0217/2016/BĐ ngày 24-6-2016) để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ thì bà HT tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả nợ xong.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Bà HT phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã tạm ứng 2.000.000 đồng nên bà HT có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[2.7] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà HT phải chịu 25.639.075 đồng án phí dân sự sơ thẩm (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, 147, 150, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc bà Bạch HT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 540.976.893 đồng (năm trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi sáu

nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 435.290.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày 17-02-2020 là 105.686.893 đồng (một trăm lẻ năm triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả (theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0217/2016/HĐTD-CN ngày 24-6-2016) kể từ ngày 18-02-2020 đến khi trả nợ xong.

Trường hợp bà HT không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 3139, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất (theo Hợp đồng thế chấp số 0217/2016/BĐ ngày 24-6-2016) để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ thì bà HT tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi trả nợ xong.

2. Bà Bạch HT phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên bà HT có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Bà Bạch HT phải chịu 25.639.075 đồng (hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền tạm ứng án phí 11.848.407 đồng (mười một triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ bảy đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001387 ngày 16-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Hồng Ánh